TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:122/2017/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quí Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM *tham gia phiên tòa*:

Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 117/2017/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2015 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán và thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2017/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH L; địa chỉ trụ sở: 136 đường X, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phan Văn K là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 01-09/PL ngày 28/12/2015) - (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH A; địa chỉ trụ sở: 54/24B đường M, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của Công ty: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985, là người đại diện theo pháp luật của Công ty - (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 20/5/2015, Công ty TNHH L có ký hợp đồng số 072 về việc cung cấp vật tư, nhân công thi công đá Marble tường thang máy Khách sạn Empress với Công ty TNHH A. Sau khi ký hợp đồng vào ngày 22/5/2015, Công ty TNHH L đã

thanh toán 30% theo đúng thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng là 11.222.100 (mười một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn một trăm đồng). Công ty A sẽ phải thực hiện nghĩa vụ tập kết vật tư trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được tạm ứng 30% và thi công trong vòng 01 ngày cho một tầng. Tổng thời gian thi công là 11 ngày. Tuy nhiên sau khi nhận xong tiền thanh toán lần 1 như trên thì phía Công ty A đã không thực hiện nghĩa vụ của mình. Công ty TNHH L đã nhiều lần gửi văn bản và gọi điện thoại nhưng Công ty A vẫn cố tình trốn tránh.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2015, Công ty TNHH L yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B Thành phố Hồ Chí Minh buộc Công ty A trả lại cho Công ty TNHH L số tiền mà Công ty TNHH L đã tạm ứng cho Công ty A là 11.222.100 (mười một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn một trăm đồng) và tiền bồi thường hợp đồng là 8% của giá trị phần bị chậm là 2.992.560đ (hai triệu chín trăm chín mươi hai ngàn năm trăm sáu mươi đồng), tổng cộng là 14.214.660đ (mười bốn triệu hai trăm mười bốn ngàn sáu trăm sáu mươi đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Tại phiên tòa, Công ty TNHH L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn là Công ty A đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2017/QĐST-KDTM ngày 21/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2017/QĐST-HPT ngày 07/9/2017 nhưng Công ty A vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195,

196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật TTDS năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Căn cứ các khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn là Công ty TNHH L khởi kiện bị đơn là Công ty TNHH A về việc yêu cầu trả lại tiền theo Hợp đồng kinh tế số 072 ngày 20/5/2015 thì đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" quy định tại khoản 8 Điều 3, Điều 24 Luật thương mại năm 2005

- Căn cứ vào kết quả cung cấp chứng cứ của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH A là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp 0312046722 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 10/11/2012, thì Công ty TNHH

A có đăng ký địa chỉ trụ sở tại số 54/24B đường M, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tranh chấp về kinh doanh thương mại, bị đơn có trụ sở tại Quận B, Tp. HCM. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong hạn luật định, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Tp.HCM.

2. Về hình thức:

Đối với bị đơn là Công ty TNHH A mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 072 được các bên đương sự ký kết ngày 20/5/2015, đủ căn cứ kết luận: giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận phía bị đơn sẽ cung cấp vật tư và nhân công lắp đặt đá Marble tường thang máy cho nguyên đơn tại khách sạn Empress tại 134-136 đường X, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, với giá trị của hợp đồng là 37.407.000đ (ba mươi bảy triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn đồng). Căn cứ Lệnh chuyển tiền ngày 22/05/2015 của nguyên đơn tại Ngân hàng TNHH Indovina, đủ căn cứ xác định nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán lần 1 là 30% giá trị hợp đồng là 11.222.100 (mười một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn một trăm đồng) đúng trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký hợp đồng theo quy định tại khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng. Nguyên đơn trình bày căn cứ vào khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng thì khi nhận được tạm ứng lần 1 thì bị đơn phải có nghĩa vụ chuyển đá tới công trình nhưng bị đơn vẫn không thực hiện và cố tình trốn tránh cho đến nay dẫn đến nguyên đơn bị thiệt hại rất nhiều nên căn cứ vào khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng buộc bị đơn ngoài việc phải trả số tiền đã nhận thanh toán của đợt 1 còn phải bồi thường thêm 8% phần giá trị bị chậm là 2.992.560đ (hai triệu chín trăm chín mươi hai ngàn năm trăm sáu mươi đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty TNHH A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nhận định như trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 11.222.100 (mười một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn một trăm đồng) và tiền bồi thường là 2.992.560đ (hai

triệu chín trăm chín mươi hai ngàn năm trăm sáu mươi đồng), tổng cộng là 14.214.660đ (mười bốn triệu hai trăm mười bốn ngàn sáu trăm sáu mươi đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 , Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 8 Điều 3, khoản 1 Điều 34, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009;

- Căn cứ Luật phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Xử vắng mặt: bị đơn Công ty TNHH A.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH L về việc buộc bị đơn là Công ty TNHH A phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 14.214.660đ (mười bốn triệu hai trăm mười bốn ngàn sáu trăm sáu mươi đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp Công ty TNHH A chậm thanh toán số tiền trên thì Công ty TNHH L có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH A phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH L số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2014/0009779 ngày 10/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đãký và đóng dấu)

Nguyễn Chí Hiếu